TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 04/3/2020.
V/v tranh chấp: "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền

Các Thẩm phán: + Bà Trần Thị Thu Hằng

+ Bà Lưu Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2020/TLPT-HNGĐ ngày 08/01/2020 về việc tranh chấp: "*Xin ly hôn*".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 189/2019/HN-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐ-PT ngày 20/01/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc Th (N), sinh năm 1983 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp LN, xã ML, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1983 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp LN, xã ML, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.
Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Th (N).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Th trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Nh kết hôn năm 2010 trên cơ sở quen biết, có đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Chung sống đến cuối năm 2016 thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay. Về con chung: Anh chị có

02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Ph sinh ngày 29/7/2012 và Nguyễn Thị Thúy V sinh ngày 11/10/2008, cả hai hiện sống với chị Nh. Về tài sản chung và nợ chung không có. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị Nh, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Chị thống nhất lời khai của anh Th là đúng, nhưng chị không đồng ý ly hôn.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 189/2019/HN-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ Điều 28; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 19; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc Th.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2019, anh Nguyễn Ngọc Th có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: giữa nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Th và bị đơn chị Nguyễn Thị Nh thống nhất thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc Th và chị Nguyễn Thị Nh đồng ý thuận tình ly hôn;

Về con chung: Có 02 con chung cháu Nguyễn Ngọc Ph sinh ngày 29/7/2012 và Nguyễn Thị Thúy V sinh ngày 11/10/2008. Khi ly hôn anh Th, chị Nh thống nhất giao hai con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh Thiện có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung 3.000.000 đồng/tháng/hai cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí anh Th tự nguyện chịu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án, do các đương sự đã thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Th khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Nh. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp xin ly hôn đúng theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Th với bị đơn chị Nguyễn Thị Nh là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc Th đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Th có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Nh. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai đã thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc Th và chị Nguyễn Thị Nh đồng ý thuận tình ly hôn;

Về con chung: Có 02 con chung cháu Nguyễn Ngọc Ph sinh ngày 29/7/2012 và Nguyễn Thị Thúy V sinh ngày 11/10/2008. Khi ly hôn anh Th, chị Nh thống nhất giao hai con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung 3.000.000 đồng/tháng/hai cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí anh Th tự nguyện chịu.

Xét thấy, tại phiên tòa các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Th phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc Th. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 189/2019/HN-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc Th và chị Nguyễn Thị Nh đồng ý thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Có 02 con chung cháu Nguyễn Ngọc Ph sinh ngày 29/7/2012 và Nguyễn Thị Thúy V sinh ngày 11/10/2008. Khi ly hôn anh Th, chị Nh thống nhất giao hai con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung 3.000.000 đồng/tháng/hai cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

- Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày chị Nh có đơn yêu cầu thi hành án đối với phần tiền cấp dưỡng, nếu anh Th chậm thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 10194 ngày 03 tháng 5 năm 2019 và biên lai thu số 0002439 ngày 30/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, xem như anh Th thi hành xong phần án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền